

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Nông nghiệp;

Chuyên ngành: Chăn nuôi

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN HẢI QUÂN

2. Ngày tháng năm sinh: 28/07/1984; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

Số nhà 348 Bùi Thị Xuân, phường Phường Đúc, Quận Thuận Hóa, thành phố Huế.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

Nguyễn Hải Quân

Khoa Chăn nuôi Thú y, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế; 102 Phùng Hưng, Phường Đông Ba, Quận Phú Xuân, Thành phố Huế.

Điện thoại nhà riêng: ...; Điện thoại di động: 0983734546;

E-mail: nguyenhaiquan@huaf.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 11 năm 2007 – 31/12/2008: Giảng viên hợp đồng tại Bộ môn Sinh lý Giải phẫu, Khoa Chăn nuôi Thú y, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế;

- Từ tháng 1/2009 – 7/2011: Giảng viên tại Bộ môn Sinh lý Giải phẫu, Khoa Chăn nuôi Thú y, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế;

- Từ tháng 7/2011-10/2013: Học thạc sĩ tại Đại học Tasmania, Australia;

- Từ tháng 11/2013-6/2014: Giảng viên tại Bộ môn Sinh lý Giải phẫu, Khoa Chăn nuôi Thú y, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế;

- Từ tháng 6/2014-12/2018, học Tiến sĩ theo chương trình “Sandwich” tại trường ĐH Ghent, Vương quốc Bỉ, chia 3 giai đoạn học tại Bỉ: 6/2014- 8/2015; 8/2016-4/2017; và 6/2018-12/2018;

- Từ tháng 01/2019 đến nay (6/2025): Giảng viên tại bộ môn Chăn nuôi, Khoa Chăn nuôi Thú y, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

Chức vụ: Phó trưởng khoa CNTY (từ tháng 11/2022 đến nay)

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Chăn nuôi Thú y, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế;

Địa chỉ cơ quan: 102 Phùng Hưng, Phường Đông Ba, Quận Phú Xuân, Thành phố Huế.

Điện thoại cơ quan: 02343 525 049

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 09 năm 2007; số văn bằng: 0046763; ngành: Nông nghiệp, chuyên ngành: Chăn nuôi Thú y; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 16 tháng 08 năm 2014; số văn bằng: ...; ngành: Nông nghiệp; chuyên ngành: Chăn nuôi; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Tasmania, Úc.

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 01 năm 2019; số văn bằng: 01313774/D0117469; ngành: Nông nghiệp; chuyên ngành: Chăn nuôi; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Ghent, Vương quốc Bỉ

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày...tháng.. năm..; ngành: CHƯA

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Khoa học Nông Nghiệp – Sinh học, Đại học Huế.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS liên ngành: Chăn nuôi – Thú y – Thủy sản

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hai hướng nghiên cứu chính:

- 1) Nghiên cứu các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính và ammonia;
- 2) Thức ăn không truyền thống và sức sản xuất của vật nuôi.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **02 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **01** đề tài cấp cơ sở + **01** đề tài cấp tỉnh; Ngoài ra, còn chủ trì 02 đề tài hợp tác quốc tế, tham gia thành viên đề tài liên kết Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam và nhóm nghiên cứu mạnh Đại học Huế.

- Đã công bố **36** bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín chuyên ngành trong nước và quốc tế, trong đó có **05** bài trên tạp chí quốc tế uy tín là tác giả chính sau TS.

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản **04** sách tham khảo thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Bản thân tự nhận thấy đạt tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo.

Về thực hiện tiêu chuẩn một nhà giáo:

Có đủ phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt. Chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Các chính sách, qui định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Huế và Trường Đại học Nông Lâm Huế. Có lập trường chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt, là đảng viên luôn đủ tư cách và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân.

Đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ. Về trình độ chuyên môn: Bản thân đã nhận học vị tiến sĩ năm 2019 tại trường Đại học Ghent, Vương quốc Bỉ. Về nghiệp vụ sư phạm: bản thân đã có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm năm 2008 và chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học và cao đẳng năm 2019. Về năng lực nghiên cứu khoa học và phục vụ sản xuất: Bản thân đã có chứng chỉ NCKH năm 2008. Về quản lý: từ 2022-nay: Phó Trưởng khoa Chăn nuôi Thú y.

Luôn tâm huyết với công việc, yêu ngành, yêu nghề và có đủ năng lực, sức khỏe để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, được đồng nghiệp và sinh viên tin cậy, tôn trọng. Lý lịch bản thân rõ ràng.

Về thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo:

Giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục. Bản thân đã hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy các học phần ở bậc đại học và cao học. Hàng năm số lượng giờ giảng quy đổi đều vượt định mức 150-200%.

Ngoài giảng dạy, bản thân tôi tham gia hướng dẫn hàng chục khoá luận ở bậc đại học và 02 luận văn cho học viên cao học.

Đã tham gia biên soạn 04 sách tham khảo. Tất cả các tài liệu đã được sử dụng cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Đã chủ trì 01 đề tài cấp cơ sở và 01 đề tài cấp Tỉnh và viết 36 bài báo khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước, có bài được đăng ở tạp chí Quốc tế có thứ hạng cao.

Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ nhà trường. Bản thân luôn gương mẫu thực hiện nghĩa vụ của một công dân, chấp hành

các quy định của các cấp nhà nước, bộ, ngành, Đại học Huế và trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế.

Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo. Tôi luôn rèn luyện bản thân về cả chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất của người thầy, và giữ gìn danh dự của một nhà giáo, không vi phạm kỷ luật và đạo đức nhà giáo. Được đồng nghiệp và sinh viên tín nhiệm.

Tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học. Tôi nhận thức đầy đủ về tôn trọng nhân cách của người sinh viên và học viên có trình độ đại học và sau đại học. Luôn tôn trọng và lấy sinh viên và học viên là trung tâm trong giảng dạy và đối tượng chủ động trong trao đổi kiến thức; đánh giá đúng và công bằng năng lực của người học, vì vậy luôn được sinh viên và học viên quý trọng.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm 06 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018				05	138		138/373/270
2	2020-2021			02	08	144		144/550/270
3	2021-2022				09	216		216/510/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023				06	126		126/385/216
5	2023-2024				03	204	90	294/485/189
6	2024-2025				10	120	60	180/390/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ tại Australia, và luận án TS ☒; tại: Vương quốc Bỉ

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....
 - Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):
 d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Hồ Nguyễn Ngọc Thảo Tiên		X	X		03/2020 – 02/2021	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	Quyết định số:558 ngày 17/08/2021
2	Nguyễn Quang Tuấn		X	X		03/2020 – 02/2021		Quyết định số: 558 ngày 17/08/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi lợn ISBN: 978-604-60-3050-8	TK	Nhà XB Nông nghiệp Năm: 2019	3			Biên bản thẩm định Hội đồng Khoa học ngày 26/04/2020
2	Understanding the impact of planted forest on smallholder livestock farmers and their livelihoods in the Greater Mekong Subregion ISBN 978-92-5-135307-3	TK	FAO Năm: 2021 https://doi.org/10.4060/cb7592en	17			Biên bản thẩm định Hội đồng Khoa học ngày 12/06/2024
3	Kỹ thuật sử dụng dược liệu tại Gia Lai trong chăn nuôi gà và lợn ISBN: 978-604-337-899-3	TK	Nhà XB Đại học Huế Năm: 2023	7	Đồng CB		Biên bản thẩm định Hội đồng Khoa học ngày 16/05/2024

4	Thức ăn giàu xơ trong dinh dưỡng động vật dạ dày đơn ISBN: 978-604-489-304-4	TK	Nhà XB Đại học Huế Năm: 2024	2	Đồng CB	Biên bản thẩm định Hội đồng Khoa học ngày 14/06/2024
---	---	----	------------------------------------	---	------------	--

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà UV là chủ biên sau TS: *Không*.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
...					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Đánh giá khả năng sinh trưởng và hiệu quả kinh tế của gà Ri lai sử dụng ấu trùng ruồi lính đen (<i>Hermetica illucens</i>) nuôi trên môi trường bã đậu nành thay thế thức ăn giàu đạm.	CN	Đề tài cấp cơ sở CS-DT 2020 CNTY - 01	2020	27/11/2020 – Xuất sắc
2	Xây dựng mô hình chăn nuôi sử dụng nguồn thức ăn có được liệu tại địa phương nhằm tạo ra sản phẩm sạch, không sử dụng thuốc kháng sinh	CN	Đề tài KHCN cấp Tỉnh (Gia Lai) KHGL-07-19	2020-2023	17/01/2024 – Đạt yêu cầu
3	Nhận diện các tác động của rừng trồng đến chăn nuôi và sinh kế của hộ gia đình ở Tiểu vùng sông Mê Kông	TK	Đề tài liên kết Viện Khoa học Lâm Nghiệp Việt Nam	2020-2021	Đã hoàn thành
4	Effect of different levels of cassava root by-product in	CN	Đề tài quốc tế QT-DA (IFS-	2019-2021	Đã hoàn thành

	practical diets for growing pigs on animal performance, nitrogen balance and ammonia emission from slurry		International Foundation for Science)		
5	Nghiên cứu sử dụng nguồn protein không truyền thống làm thức ăn và xử lý chất thải chăn nuôi	TK	NCM.ĐHH.2020.08 Nhóm Nghiên cứu mạnh Đại học Huế	2021-2024	27/03/2024 – Xuất sắc
6	Inclusion of biochar in pigs' diet to mitigate ammonia emission from pig manure	CN	Đề tài quốc tế QT-DA (IFS-International Foundation for Science)	2022-2024	Đã hoàn thành

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1.	Ảnh hưởng của mức bổ sung bã sắn ủ chua đến lượng ăn vào, tỷ lệ tiêu hoá và một số chỉ số môi trường dạ cỏ của cừu được nuôi bằng rơm lúa	2	x	Tạp chí khoa học Đại Học Huế (1859-1388)			46, 97-105	2008
2.	Hiệu quả sử dụng thân cây chuối và bã sắn ủ trong khẩu phần ăn của bò vàng sau khi sinh	2		Tạp chí KHKT Chăn nuôi (1859-476X)			2, 18-22	2011
3.	Productive Perfomance, Rumen Volatile Fatty Acids Profile and Plasma Metabolites of Concentrate-Supplemented Bach	6	x	Journal of Animal and Veterinary Advances (1680-5593)	Scopus, Q3		13, 21-24	2014

	Thao Goats in Vietnam https://researchonlin.e.jcu.edu.au/46143/							
4.	Evaluation of the Small Ruminant Nutrition System model (SRNS) for goat production in Vietnam. https://doi.org/10.1071/ANv54n12abstracts	7	x	Extended Abstracts of papers presented at the 8th International Workshop on Modelling Nutrient Digestion and Utilisation in Farm Animals. Animal Production Science 54(12) i – lxi.			54 (12), xxxv	2014
5.	Hiện trạng và kịch bản phát thải khí mê-tan từ hệ thống nuôi bò thịt thâm canh quy mô nông hộ ở Quảng Ngãi	5		Tạp chí Nông nghiệp Phát triển nông thôn (2815-6153)			1, 58-66	2016
6.	Pig's Diets Containing Fibre-Rich Feedstuff Characterised through in vitro Simulation of Small Intestine Digestion and Colon Fermentation	4	x	Intern. Conf. Proceeding Tropentag 2016: Solidarity in a competing world - fair use of resources (Eds B. Freyer và E. Tielkes). 1. Aufl. - Göttingen: Cuvillier ISBN: 978-3-9801686-7-0				2016
7.	Impact of Forage Fertilization with Urea and Composted Cattle Manure on Soil Fertility in Sandy Soils of South-Central Vietnam https://doi.org/10.1155/2016/4709024	8		International Journal of Agronomy (1687-8159)	Scopus, Q2		Vol.1 2016, Article ID 4709024, p.1- 14	2016

8.	Ảnh hưởng của việc sử dụng khô dầu dừa và cỏ voi ủ chua trong khẩu phần đến khả năng ăn xuất, phát thải khí mê-tan từ dạ cỏ ở bò thịt	8		Tạp chí Khoa học và Công nghệ chăn nuôi (1859-0802)			72, 38-47	2017
9.	Urea and composted cattle manure affect forage yield and nutritive value in sandy soils of south-central Vietnam https://doi.org/10.1111/gfs.12289	8		Grass and Forage Science (0142-5242)	Scopus, Q1		73(1), 132-145	2017
10.	Protein-enriched cassava root pulp as partial replacement for fish meal in diets for growing pigs https://lrrd.cipav.org.co/lrrd29/9/hong29184.html	5		Livestock Research for Rural Development (0121-3784)	Scopus, Q3		29 (9)	2017
11.	Potential to mitigate ammonia emission from slurry by increasing dietary fermentable fiber through inclusion of tropical byproducts in practical diets for growing pigs https://doi.org/10.5713/ajas.18.0481	5	x	Asian-Australasian Journal of Animal Sciences (1011-2367)	Scopus, Q1		32 (4) 574-584	2019
12.	Ảnh hưởng của mức thức ăn tinh lên chất lượng thịt xẻ và thành phần axit béo trong cơ thể của dê Bách Thảo	4	x	Hội nghị Chăn nuôi Thú y Toàn quốc - AVS 2019, 4-6/09/2019, Thành phố Hồ Chí Minh ISBN: 978-604-60-30591			167-170	2019
II	Sau khi được công nhận TS							
13.	Effect of increasing inclusion rates of tofu by-product in	5	x	Animal (1751-7311)	SCIE, Q1		14(6):1167-1175	2020

	diets of growing pigs on nitrogen balance and ammonia emission from manure https://doi.org/10.1017/S1751731119003070							
14.	Effect of fermented rice bran and maize by <i>Saccharomyces cerevisiae</i> on growth performance and epithelial of the small intestinal of crossbred Ri chicken https://www.lrrd.org/lrrd32/2/hai32023.html	9		Livestock Research for Rural Development (0121-3784)	Scopus, Q3		32 (2)	2020
15.	Tổng quan về sử dụng ấu trùng ruồi lính đen (<i>Hermetia illucens</i>) làm thức ăn trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản http://tapchinongnghiep.vn/tapchi/detail/3809	4		Tạp chí Nông nghiệp Phát triển nông thôn (1895-4581)			18, 141-150	2021
16.	Sử dụng ruồi lính đen như một giải pháp bảo vệ môi trường và nguồn thức ăn chăn nuôi giàu protein	2		Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi (1859-476X)			269, 102-106	2021
17.	Năng suất sinh sản của gà Chọi lai và Ri lai nuôi tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	10		Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi (1859-476X)			275, 20-24	2022
18.	Effects of harvesting time on yield, chemical composition of black soldier fly (<i>Hermetia illucens</i>) larvae and replacement of trash fish for feeding seabass (<i>Lates calcarifer</i> Bloch,	4		Livestock Research for Rural Development (0121-3784)	Scopus, Q3		34(1)	2022

	1790) rearing in fresh and brackish water https://www.lrrd.org/lrrd34/1/3403ndqtr.html							
19.	Đặc điểm của than sinh học (biochar) sản xuất từ các nguyên liệu và nhiệt độ chế biến khác nhau	9		Hội nghị Chăn nuôi Thú y Toàn quốc - AVS 2021, 27-29/04/2021, Thành phố Huế 978-604-337-1338			917-922	2022
20.	Đánh giá khả năng sinh trưởng và thành phần hoá học của ấu trùng ruồi lính đen (<i>Hermetia illucens</i>) nuôi trên các cơ chất khác nhau	4		Hội nghị Chăn nuôi Thú y Toàn quốc - AVS 2021, 27-29/04/2021, Thành phố Huế 978-604-337-1338			929-936	2022
21.	Effects of biochar produced from tropical rice husk and peanut shell at different processing temperatures on in vitro rumen fermentation and methane production http://doi.org/10.36899/JAPS.2022.3.0463	9		Journal of Animal and Plant Sciences (1018-7081)	Scopus, Q4		32(3), 631-637	2022
22.	Ensiling Techniques for Whole-Plant Sunflowers (<i>Helianthus annuus</i>) and their Nutritive Values for Ruminants in Vietnam http://dx.doi.org/10.17582/journal.aavs/2022/10.9.1953.1961	6	x	Advances in Animal and Veterinary Sciences (2309-3331, E-ISSN: 2307-8316)	Scopus, Q4		10 (9) 1953-1961	2022
23.	Amino acid and fatty acid compositions of black soldier fly larvae (<i>Hermetia</i>	5		Livestock Research for Rural Development	Scopus, Q3		34 (10)	2022

	illucens) fed by Tofu by-products in Viet Nam https://www.lrrd.org/lrrd34/10/3484nguy.html			(0121-3784)				
24.	Ảnh hưởng của thời điểm thu cắt đến năng suất, thành phần hoá học của cây hướng dương (<i>Helianthus annuus</i>) làm thức ăn cho gia súc nhai lại.	7		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp – Đại học Nông Lâm, Đại học Huế (2588-1256)			6 (3) 3153-3160	2022
25.	Trồng, sử dụng và hoạt tính kháng khuẩn của một số cây dược liệu tại Kbang, tỉnh Gia Lai https://doi.org/10.26459/hueunijard.v13i13D.6682	7	x	Tạp chí khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2588-1191/2615-9708)			131 (3D), 53-68	2022
26.	Ảnh hưởng của việc bổ sung hỗn hợp chiết từ các cây dược liệu đến các chỉ tiêu sinh lý, sinh hoá máu, số lượng E. coli, Salmonella trong phân và tỷ lệ mắc bệnh tiêu chảy, hô hấp ở lợn thịt	6	x	Tạp chí KHKT Thú y (1859-4751)			1, 43-51	2023
27.	Response to egg production, egg quality and fatty acid profile of yolk when feeding ISA Brown laying hen by diets containing full-fat black soldier fly larvae meal https://www.lrrd.org/lrrd35/2/3517nhqu.html	3	x	Livestock Research for Rural Development (0121-3784)	Scopus, Q3		35 (2)	2023
28.	Effect of inclusion of black soldier fly larvae (<i>Hermetica illucens</i>) meal in diets on growth	4	x	Livestock Research for Rural Development (0121-3784)	Scopus, Q3		35(3):23	2023

	performance, carcass traits and meat chemical composition of growing quails https://lrrd.cipav.org.co/lrrd35/3/3523nhqu.html#:~:text=Conclusion,and%20meat%20quality%20of%20quails.							
29.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ bã sắn, bã bia làm cơ chất đến sinh trưởng và chuyển hóa thức ăn của ấu trùng ruồi lính đen (<i>Hermetia illucens</i>)	3	x	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi (1859-476X)			287, 42-47	2023
30.	Ảnh hưởng của tỷ lệ phân lợn nái và bã sắn đến khả năng sinh trưởng, thành phần hóa học của giun quế	3		Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi (1859-476X)			290, 65-69	2023
31.	Effect of different levels of cassava root by-product in practical diets for growing pigs on animal performance, nitrogen balance and ammonia emission from slurry	3	x	Intern. Conf. Proc. "Animals, food and environment: a value chain approach"; 30 August - 01 September 2023, Can Tho, Viet Nam. ISBN: 978-604-965-1441			62	2023
32.	Dietary kudzu (<i>Pueraria thomsonii</i> Benth.) leaf affects on growth performance of Local rabbits http://www.lrrd.org/lrrd36/1/3608leth.html	8		Livestock Research for Rural Development (0121-3784)	Scopus, Q3		36 (1)	2024
33.	Ảnh hưởng của việc bổ sung hỗn hợp chiết từ các loại thảo dược chứa 50% cỏ	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp – Đại			8 (1), 3982-3993	2024

	xuốc đến các chỉ tiêu sinh lý, sinh hóa máu, số lượng E. coli, Salmonella trong phân và tỷ lệ mắc bệnh, tiêu chảy hô hấp ở heo thịt			học Nông Lâm, Đại học Huế (2588-1256)				
34.	Ảnh hưởng của bột ấu trùng ruồi lính đen (<i>Hermetia Illucens</i>) đến sức sản xuất và phát triển lông nhung của gà ri	4	x	Tạp chí KHKT Chăn nuôi (1859-476X)			298, 41-45	2024
35.	Ảnh hưởng của bổ sung hỗn hợp chiết từ một số cây dược liệu đến các chỉ tiêu sinh hoá máu và số lượng E.Coli, Salmonella trong phân gà	3	x	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi (1859-476X)			298, 64-69	2024
36.	Effect of Herbal Extract Mixture Supplementation in Poultry Diets on Growth Performance, Hematological Indices and Fecal Microbial Counts in Ri Crossbred Chicken	3	x	Advances in Animal and Veterinary Sciences (2309-3331, E-ISSN: 2307-8316)	Scopus, Q3		13(4), 764-771	2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **05** bài; số thứ tự [13; 22; 27; 28; 36]

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Quy trình kỹ thuật sử dụng thức ăn bổ sung được liệu nuôi gà thịt	Chủ trì	QĐ số 784/QĐ-ĐHNL, ngày 21/10/2022	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	Ban hành quy trình	Đã ban hành
2	Quy trình kỹ thuật sử dụng thức ăn bổ sung được liệu nuôi lợn thịt	Chủ trì	QĐ số 786/QĐ-ĐHNL, ngày 21/10/2022	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	Ban hành quy trình	Đã ban hành

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):...

- Giờ giảng dạy
- + Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ...
- + Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT: 02 HVCH
- + Đã hướng dẫn chính NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh ☐ GS)
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:..
- + Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh ☐ GS)
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:..
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:..
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:
- + Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 ☐ CTKH ; 04 ☐ CTKH
- Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:
- + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐
- Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Huế, ngày 27 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Hải Quân